



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM  
BKG VIET NAM INVESTMENT JOINT  
STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

Số: 13/2025/CBTT  
No.: 132025/CBTT

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2025  
Ha Noi, August 29, 2025

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

### Kính gửi/To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/State Securities Committee
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/Viet Nam Stock Exchange
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/Ho Chi Minh City Stock Exchange

Công ty/Name of organization:

Công ty Cổ phần Đầu Tư BKG Việt Nam/BKG Viet Nam investment  
Joint Stock Ccompany

Mã chứng khoán/Stock code:

BKG

Địa chỉ/Address:

Tầng 4, toà nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, Khu đô thị Văn  
Khê, Phường La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam/ 4th Floor,  
HPC Landmark 105 Building, To Huu Street, Van Khe Urban Area,  
La Khe Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam

Điện thoại/Tel:

(024) 2283.2468

Người công bố thông tin/ Spokesman:

Đặng Phước Đức

Chức vụ/Position:

Trưởng ban Kiểm soát/Head of Board of Supervisors

### Nội dung thông tin công bố/Contents of information disclosure:

- Báo cáo tài chính bán niên 2025 đã được soát xét/ The Interim Financial Statements for the six-month period ended 30 June, 2025 has been reviewed by the Auditing Company
- Công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế/Official Letter Explaining the Difference in Profit After Tax

Thông tin này được công bố trên website của BKG VIỆT NAM vào ngày 29/08/2025 tại trang web: <http://bkgvietnam.com> Chuyên mục: **Quan hệ cổ đông/công bố thông tin**

This informationn was published on the company's website on August 29, 2025, as in the link <http://bkgvietnam.com>. Category: **Investor Relations/Information Disclosure**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law





**Nơi nhận/Recipients: †**

- Như trên/As above;
- HĐQT/BOD;
- TGD/CEO;
- Ban kiểm soát/BOS;
- Lưu/Archives: Văn phòng/HO.

**Đính kèm/Attached file:**

- Báo cáo bán niên/The Interim Financial Statements
- Công văn giải trình/ Official Letter Explaining the Difference in Profit After Tax

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN  
PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSE  
INFORMATION**



**DANG PHUOC DUC  
DANG PHUOC DUC**



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025



## **MỤC LỤC**

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 – 2
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	3 – 4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	9 – 28

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM**

Tầng 4, toà nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, Khu đô thị Văn Khê, Phường Hà Đông, TP Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

**THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam, tiền thân là Công ty Cổ phần Thiết bị DTA, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106935814 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 2015 và thay đổi lần 10 ngày 23 tháng 07 năm 2024.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, toà nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, Khu đô thị Văn Khê, Phường Hà Đông, TP Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: 716.090.200.000 đồng (Bảy trăm mười sáu tỷ, không trăm chín mươi triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn).

Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu tương đương 71.609.020 cổ phần.

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ kế toán và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Công Thành	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên HĐQT
Ông Dương Tất Thắng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quang Duy	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Minh Hải	Thành viên HĐQT

**Ban Kiểm soát**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đặng Phước Đức	Trưởng ban kiểm soát
Bà Phan Thị Thu Hà	Thành viên
Ông Tạ Quang Dũng	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Tổng Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Công ty.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **CAM KẾT VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

### **PHÊ DUYỆT CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**NGUYỄN VĂN HƯNG**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2025

Số: 30066/2025/BCSX/IAV

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 08 năm 2025, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của đơn vị cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



\_\_\_\_\_  
**NGUYỄN HỮU HOÀN**

**Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 2417-2023-283-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ**

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2025

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>87.945.879.604</b>	<b>84.793.240.985</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>2.869.909.842</b>	<b>1.957.671.200</b>
1. Tiền	111		2.869.909.842	1.957.671.200
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>37.593.254.437</b>	<b>35.609.865.373</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	14.837.270.325	16.966.677.748
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	14.616.264.112	10.503.467.625
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	8.139.720.000	8.139.720.000
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>47.024.262.284</b>	<b>46.619.804.351</b>
1. Hàng tồn kho	141	4.5	47.024.262.284	46.619.804.351
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>458.453.041</b>	<b>605.900.061</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	299.338.708	282.649.994
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		159.114.333	323.250.067
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>647.513.439.583</b>	<b>647.621.079.655</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>23.113.625.496</b>	<b>23.232.170.863</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	301.125.496	419.670.863
- Nguyên giá	222		2.107.321.717	2.107.321.717
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.806.196.221)	(1.687.650.854)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	22.812.500.000	22.812.500.000
- Nguyên giá	228		22.812.500.000	22.812.500.000
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>4.9</b>	<b>624.378.952.868</b>	<b>624.378.952.868</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		388.400.000.000	388.400.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		147.000.000.000	147.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		89.110.000.000	89.110.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(131.047.132)	(131.047.132)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.861.219</b>	<b>9.955.924</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	20.861.219	9.955.924
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>735.459.319.187</b>	<b>732.414.320.640</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3.826.797.915</b>	<b>3.154.271.678</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.826.797.915</b>	<b>3.154.271.678</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	587.113.583	353.158.465
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.11	739.172.000	696.051.726
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	2.215.832.729	1.619.138.918
4. Phải trả người lao động	314		96.098.146	47.961.232
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	188.581.457	349.427.934
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	88.533.403
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>731.632.521.272</b>	<b>729.260.048.962</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.14</b>	<b>731.632.521.272</b>	<b>729.260.048.962</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		716.090.200.000	716.090.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		716.090.200.000	716.090.200.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.542.321.272	13.169.848.962
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		13.169.848.962	7.508.308.677
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.372.472.310	5.661.540.285
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>735.459.319.187</b>	<b>732.414.320.640</b>

PHẠM LƯƠNG BẢO NGỌC  
Người lập biểu

PHẠM LƯƠNG BẢO NGỌC  
Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN HƯNG  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 08 năm 2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	42.116.434.114	56.776.604.385
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	10		<b>42.116.434.114</b>	<b>56.776.604.385</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	36.825.601.710	49.561.479.930
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	20		<b>5.290.832.404</b>	<b>7.215.124.455</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	28.162	54.839.422
7. Chi phí tài chính	22	5.4	7.005.140	16.155.081
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.482.047	16.155.081
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	498.255.117	746.533.594
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	1.804.458.011	1.427.398.514
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	30		<b>2.981.142.298</b>	<b>5.079.876.688</b>
11. Thu nhập khác	31		-	223.252.729
12. Chi phí khác	32	5.7	11.976.177	101.987.125
13. <b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	40		<b>(11.976.177)</b>	<b>121.265.604</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	50		<b>2.969.166.121</b>	<b>5.201.142.292</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.8	596.693.811	1.060.851.792
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	60		<b>2.372.472.310</b>	<b>4.140.290.500</b>



PHẠM LƯƠNG BẢO NGỌC  
Người lập biểu



PHẠM LƯƠNG BẢO NGỌC  
Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN HƯNG  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 08 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho năm kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

(theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.969.166.121	5.201.142.292
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		118.545.367	189.107.155
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.523.093	(1.132.175)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(28.162)	(53.707.247)
- Chi phí lãi vay	06		3.482.047	16.155.081
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.094.688.466	5.351.565.106
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.829.791.950)	721.888.066
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(404.457.932)	(4.087.941.459)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		164.365.829	(273.429.055)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(27.594.009)	(14.153.057)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.482.047)	(16.155.081)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>993.728.357</b>	<b>1.681.774.520</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		28.162	26.920
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>28.162</b>	<b>26.920</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(88.533.403)	(90.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(88.533.403)</b>	<b>(90.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>905.223.116</b>	<b>1.591.801.440</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.957.671.200	1.743.713.745
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		7.015.526	1.132.175
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>2.869.909.842</b>	<b>3.336.647.360</b>



PHẠM LƯƠNG BẢO NGỌC

Người lập biểu



PHẠM LƯƠNG BẢO NGỌC

Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN HƯNG

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 08 năm 2025

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam, tiền thân là Công ty Cổ phần Thiết bị DTA, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106935814 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 2015 và thay đổi lần 10 ngày 23 tháng 07 năm 2024.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, toà nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, Khu đô thị Văn Khê, Phường Hà Đông, TP Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: 716.090.200.000 đồng (Bảy trăm mười sáu tỷ, không trăm chín mươi triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn).

Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu tương đương 71.609.020 cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 35 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 32 người).

#### **1.2. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của công ty gồm:

- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tẻt bện.
- Bán buôn, Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn giường tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện.

#### **1.3. Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

<b>Tên Công ty</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Tỷ lệ cổ phần sở hữu %</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty cổ phần Gỗ BKG	Hà Nội	95,00%	95,00%	Chế biến các sản phẩm từ gỗ
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu BKG Home	Hà Nội	98,00%	98,00%	Chế biến các sản phẩm từ gỗ
Công ty cổ phần thực phẩm lạnh Mai Châu	Hòa Bình	99,20%	99,20%	Chăn nuôi gia cầm, hoạt động trồng trọt
Công ty TNHH MTV BKG Tân Mỹ	Hòa Bình	100,00%	100,00%	Chế biến các sản phẩm từ gỗ
Công ty cổ phần rừng BKG Độc Lập	Hòa Bình	100,00%	100,00%	Trồng rừng và chăm sóc rừng
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty cổ phần Jade de Mai Châu	Hòa Bình	49,00%	49,00%	Bất động sản

**1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Giả định hoạt động liên tục**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**2.3. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan khác.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán.*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**3.2. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3.4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **3.5. Các khoản đầu tư tài chính**

#### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

#### **Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

#### **Đầu tư vào Công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

#### **Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

### 3.6. Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### 3.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### 3.8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u>
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10

### 3.9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

### 3.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### 3.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp

lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **3.12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

### **3.13. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số tiền phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

### **3.14. Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### **3.15. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **3.16. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/ Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

**Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**3.18. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**3.19. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí đi vay vốn
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán.
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**3.20. Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế trong quá trình bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chủ yếu bao gồm các chi phí lương nhân viên bộ phận bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo và hoa hồng bán hàng.

**3.21. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

**3.22. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.23. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

**3.24. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30-06-25</b>	<b>01-01-25</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	2.741.920.977	1.933.914.528
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	127.988.865	23.756.672
<b>Tổng Cộng</b>	<b>2.869.909.842</b>	<b>1.957.671.200</b>

**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>30-06-25</b>	<b>01-01-25</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu khách hàng khác</b>		
Vidaxl Trading (Hk) Ltd (Vidaxl)	475.616.577	-
Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Thương Mại Và Sản Xuất Ván Ép Thăng Long	9.304.114.000	4.240.846.000
Công Ty Cp Đầu Tư Xây Dựng Và Phát Triển Đô Thị Thăng Long	-	3.704.292.000
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Và Phát Triển Đô Thị Thăng Long Nghệ An	-	4.401.232.000
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Công Trình Văn Hóa Thăng Long/Lstl	4.861.556.000	4.424.324.000
Công Ty TNHH Royal Rasoi	110.000.000	110.000.000
Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Và Thương Mại Pros	85.983.748	85.983.748
<b>Phải thu các bên liên quan</b>		
	<b>14.837.270.325</b>	<b>16.966.677.748</b>

**4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>30-06-25</b>	<b>01-01-25</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công Ty Cổ Phần Thương Mại Và Đầu Tư Amico	28.200.000	-
Công Ty Cp Gỗ Bkg	-	44.000.000
Công Ty Cổ Phần Sản Xuất & Thương Mại Nội Thất Lương Phúc	-	-
Công Ty TNHH Pcca Toàn Phát	188.064.112	42.680.425
Công Ty TNHH Mtv Xuất Nhập Khẩu Gỗ Hà Nội	14.400.000.000	10.416.787.200
	<b>14.616.264.112</b>	<b>10.503.467.625</b>

**Trả trước cho người bán ngắn hạn với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 7.3)**

	-	44.000.000
--	---	------------

**4.4. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30-06-25</b>		<b>01-01-25</b>	
	<b>Giá trị VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá trị VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
<b>Phải thu các tổ chức và các cá nhân khác</b>				
Ký cược, ký quỹ	139.720.000	-	139.720.000	-
Phải thu khác	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
<b>Phải thu các bên liên quan</b>				
	<b>8.139.720.000</b>	<b>-</b>	<b>8.139.720.000</b>	<b>-</b>

**4.5. Hàng tồn kho**

	<b>30/06/2025</b>		<b>01/01/2025</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	285.012.123	-	285.012.123	-
Hàng hóa	46.739.250.161	-	46.334.792.228	-
	<b>47.024.262.284</b>	<b>-</b>	<b>46.619.804.351</b>	<b>-</b>

**4.6. Chi phí trả trước**

**4.6.1. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>30/06/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thuê mặt bằng	290.121.905	276.088.599
Công cụ dụng cụ xuất dùng	6.416.803	6.561.395
Cước phí internet	2.800.000	-
	<b>299.338.708</b>	<b>282.649.994</b>

**4.6.2. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>30/06/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.533.333	9.955.924
Phần mềm kế toán	19.327.886	-
	<b>20.861.219</b>	<b>9.955.924</b>

**4.7. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Tổng Cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu kỳ	<b>1.227.104.424</b>	<b>880.217.293</b>	<b>2.107.321.717</b>
Số dư cuối kỳ	<b>1.227.104.424</b>	<b>880.217.293</b>	<b>2.107.321.717</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu kỳ	<b>949.199.159</b>	<b>738.451.695</b>	<b>1.687.650.854</b>
Tăng trong kỳ	92.635.091	25.910.276	118.545.367
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	92.635.091	25.910.276	118.545.367
Giảm trong năm			
Số dư cuối kỳ	<b>1.041.834.250</b>	<b>764.361.971</b>	<b>1.806.196.221</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu kỳ	<b>277.905.265</b>	<b>141.765.598</b>	<b>419.670.863</b>
Tại ngày cuối kỳ	<b>185.270.174</b>	<b>115.855.322</b>	<b>301.125.496</b>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày đầu kỳ là 719.645.151 VND và tại ngày cuối kỳ là 760.881.514 VND.

**4.8. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Tổng</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu kỳ	22.812.500.000	<b>22.812.500.000</b>
Số dư cuối kỳ	<b>22.812.500.000</b>	<b>22.812.500.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu kỳ	<b>22.812.500.000</b>	<b>22.812.500.000</b>
Tại ngày cuối kỳ	<b>22.812.500.000</b>	<b>22.812.500.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mẫu số B 09a - DN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Đơn vị tính: VND		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>4.9. Đầu tư tài chính dài hạn</b>				
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	388.400.000.000	(31.770.757)	(i)	(i)
Công ty cổ phần Gỗ BKG	95.000.000.000		-	-
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu BKG Home	49.000.000.000	-	-	-
Công ty cổ phần thực phẩm lành Mai Châu	74.400.000.000	-	74.400.000.000	-
Công ty TNHH MTV BKG Tân Mỹ	160.000.000.000	(24.516.353)	160.000.000.000	(24.516.353)
Công ty CP Phát triển rừng BKG Độc lập	10.000.000.000	(7.254.404)	10.000.000.000	(7.254.404)
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	147.000.000.000	(99.276.375)	147.000.000.000	(99.276.375)
Công ty CP Jade De Mai Châu	147.000.000.000	(99.276.375)	147.000.000.000	(99.276.375)
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	89.110.000.000	-	89.110.000.000	-
Công ty CP DP Invest	89.110.000.000		89.110.000.000	
	<b>624.510.000.000</b>	<b>(131.047.132)</b>	<b>-</b>	<b>(131.047.132)</b>

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính	
				%	%
Công ty cổ phần Gỗ BKG	Hà Nội	95,00%	95,00%	Chế biến các sản phẩm từ gỗ	
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu BKG Home	Hà Nội	98,00%	98,00%	Chế biến các sản phẩm từ gỗ	
Công ty cổ phần thực phẩm lành Mai Châu	Hòa Bình	99,20%	99,20%	Chăn nuôi gia cầm	
Công ty TNHH MTV BKG Tân Mỹ	Hòa Bình	100,00%	100,00%	Chế biến các sản phẩm từ gỗ	
Công ty CP Phát triển rừng BKG Độc lập	Hòa Bình	100,00%	100,00%	Trồng rừng và chăm sóc rừng	

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mẫu số B 09a - DN

**4.10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công Ty Cp Bưu Chính Viettel	224.203	224.203	1.057.199	1.057.199
Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam	14.000.000	14.000.000	-	-
Công Ty TNHH Đa Dịch Vụ Tuệ Lâm (Tuelam)	7.780.903	7.780.903	4.771.632	4.771.632
Công Ty TNHH Truyền Thông Và Công Nghệ Bina	-	-	4.000.000	4.000.000
Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Ánh Việt	-	-	2.180.000	2.180.000
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Hải Phát Thủ Đô	354.230.174	354.230.174	338.438.618	338.438.618
Công Ty Cổ Phần Logistics Psi	9.828.000	9.828.000	-	-
Công Ty TNHH Swi Logistics (Việt Nam)	9.907.623	9.907.623	-	-
Công Ty Cổ Phần Sự Kiện Tây Đô	23.034.400	23.034.400	-	-
Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Du Lịch Viewway	168.108.280	168.108.280	-	-
Công Ty TNHH Vpp Đông Đô	-	-	2.711.016	2.711.016
	<b>587.113.583</b>	<b>587.113.583</b>	<b>353.158.465</b>	<b>353.158.465</b>

**4.11. Người mua trả trước ngắn hạn**

	<b>30/06/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công Ty TNHH Nội Thất Gala Home	302.900.000	-
Vidaxl Trading (Hk) Ltd (Vidaxl)	-	391.881.726
Đỗ Thị Thanh Thảo	366.272.000	228.920.000
Nitika Malik	70.000.000	70.000.000
Trần Đăng Minh	-	5.250.000
	<b>739.172.000</b>	<b>696.051.726</b>

**4.12. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bảo hiểm xã hội	182.862.202	328.929.477
Bảo hiểm y tế	3.190.921	14.315.840
Bảo hiểm thất nghiệp	1.413.751	6.182.617
Bảo hiểm xã hội thanh toán tiền ODTS Cho nv Kiều Bá Hùng	1.114.583	-
	<b>188.581.457</b>	<b>349.427.934</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025*

Mẫu số B 09a - DN

**4.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	30/06/2025		Phát sinh trong kỳ		01/01/2025	
	Phải thu	Phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Phải thu	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.215.832.729	-	596.693.811	-	1.619.138.918
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
	-	<b>2.215.832.729</b>	<b>6.000.000</b>	<b>602.693.811</b>	-	<b>1.619.138.918</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**4.14 Vốn chủ sở hữu**

**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu <b>VND</b>	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối <b>VND</b>	Tổng Cộng <b>VND</b>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>681.999.830.000</b>	<b>41.598.678.677</b>	<b>723.598.508.677</b>
Tăng trong năm	34.090.370.000	5.661.540.285	39.751.910.285
- Lợi nhuận trong năm	-	5.661.540.285	5.661.540.285
- Tăng vốn trong năm	34.090.370.000	-	34.090.370.000
Giảm trong năm	-	(34.090.370.000)	(34.090.370.000)
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	(34.090.370.000)	(34.090.370.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>716.090.200.000</b>	<b>13.169.848.962</b>	<b>729.260.048.962</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>716.090.200.000</b>	<b>13.169.848.962</b>	<b>729.260.048.962</b>
Tăng trong kỳ	-	2.372.472.310	2.372.472.310
- Lợi nhuận trong kỳ	-	2.372.472.310	2.372.472.310
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>716.090.200.000</b>	<b>15.542.321.272</b>	<b>731.632.521.272</b>

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Vốn thực góp <b>VND</b>	Tỷ lệ %	Vốn thực góp <b>VND</b>	Tỷ lệ %
Ông Trần Thành Công	132.825.000.000	18,55%	132.825.000.000	18,55%
Ông Nguyễn Văn Hưng	107.415.000.000	15,00%	107.415.000.000	15,00%
Các cổ đông khác	475.850.200.000	66,45%	475.850.200.000	66,45%
	<b>716.090.200.000</b>	<b>100%</b>	<b>716.090.200.000</b>	<b>100%</b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này <b>VND</b>	Kỳ trước <b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	716.090.200.000	681.999.830.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	34.090.370.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	716.090.200.000	716.090.200.000
<b>Cổ phiếu</b>		

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	71.609.020	71.609.020
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	71.609.020	71.609.020
- Cổ phiếu phổ thông	71.609.020	71.609.020
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	71.609.020	71.609.020
- Cổ phiếu phổ thông	71.609.020	71.609.020
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.		
<b>Phân phối lợi nhuận</b>		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận đầu năm chưa phân phối	13.169.848.962	41.598.678.677
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ	2.372.472.310	5.661.540.285
Phân phối các quỹ và chia cổ tức, trong đó:	-	(34.090.370.000)
- Chia cổ tức	-	(34.090.370.000)
<b>Lợi nhuận còn lại chưa phân phối</b>	<b>15.542.321.272</b>	<b>13.169.848.962</b>
<b>4.15 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán</b>		
	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
Đô la Mỹ (USD)	353,01	359,61
<b>4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ</b>		
<b>5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng hóa	42.106.711.892	56.635.174.702
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.722.222	141.429.683
	<b>42.116.434.114</b>	<b>56.776.604.385</b>
<b>5.2. Giá vốn hàng bán</b>		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn hàng hóa đã bán	36.825.601.710	49.561.479.930
	<b>36.825.601.710</b>	<b>49.561.479.930</b>
<b>5.3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	28.162	53.707.247
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	1.132.175
	<b>28.162</b>	<b>54.839.422</b>

**5.4. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	3.482.047	16.155.081
Lỗ do bán ngoại tệ	3.523.093	-
	<b>7.005.140</b>	<b>16.155.081</b>

**5.5. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	294.755.501	429.927.343
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	11.548.332
Chi phí dịch vụ mua ngoài	203.499.616	305.057.919
	<b>498.255.117</b>	<b>746.533.594</b>

**5.6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	417.653.510	428.562.030
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	3.639.541
Chi phí khấu hao TSCĐ	118.545.367	176.958.065
Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	6.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.262.259.134	812.238.878
	<b>1.804.458.011</b>	<b>1.427.398.514</b>

**5.7. Thu nhập khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thuế bị phạt, lãi chậm nộp	11.976.177	-
Các khoản khác	-	101.987.125
	<b>11.976.177</b>	<b>101.987.125</b>

**5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này hiện hành (i)	596.693.811	1.060.851.792
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện</b>	<b>596.693.811</b>	<b>1.060.851.792</b>

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	2.969.166.121	5.201.142.292
Công ty CP Đầu tư BKG Việt Nam	2.971.492.879	5.203.404.011
Chi nhánh Công ty CP Đầu tư BKG Việt Nam	(2.326.758)	(2.261.719)
Các điều chỉnh tăng	11.976.177	103.116.670
- Các khoản phạt, lãi chậm nộp	11.976.177	-
- Chi phí không được trừ khác	-	103.116.670
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.983.469.056	5.304.258.962
- Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>596.693.811</b>	<b>1.060.851.792</b>

**5.9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	3.639.541
Chi phí nhân công	712.409.011	863.489.373
Chi phí khấu hao tài sản cố định	118.545.367	600.758
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.465.758.750	1.123.296.797
Chi phí khác bằng tiền	-	-
	<b>2.296.713.128</b>	<b>1.991.026.469</b>

**6. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**6.1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính giữa niên độ và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**6.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**Danh sách các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Ông Trần Công Thành	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc
Ông Dương Tất Thắng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quang Duy	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Minh Hải	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Phước Đức	Trưởng ban kiểm soát
Bà Phan Thị Thu Hà	Thành viên BKS
Ông Tạ Quang Dũng	Thành viên BKS
Công ty CP Gỗ BKG	Công ty con
Công ty CP Xuất nhập khẩu BKG HOME	Công ty con
Công ty CP Thực phẩm lành Mai Châu	Công ty con
Công ty TNHH MTV BKG Tân Mỹ	Công ty con
Công ty cổ phần Jade De Mai Châu	Công ty con
Công ty CP phát triển rừng BKG Độc Lập	Công ty con

**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
		<b>Tiền lương VND</b>	<b>Tiền lương VND</b>
<b>Hội đồng quản trị</b>			
Ông Trần Công Thành	Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên HĐQT	74.295.970	70.541.311
Ông Dương Tất Thắng	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Nguyễn Minh Hải	Thành viên HĐQT	-	-
<b>Ban Kiểm soát</b>			
Ông Đặng Phước Đức	Trưởng ban kiểm soát	52.215.030	60.382.671
Bà Phan Thị Thu Hà	Thành viên ban kiểm soát	-	-
Ông Tạ Quang Dũng	Thành viên ban kiểm soát	34.830.000	45.456.733
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>			
Ông Nguyễn Văn Hưng	Tổng Giám đốc	74.295.970	70.541.311
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Tổng Giám đốc	-	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>235.636.970</b>	<b>246.922.026</b>

**Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ**

<b>Mua hàng</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Công ty cổ phần Gỗ BKG	Mua hàng hóa	1.071.839.642	2.575.496.980
		<b>1.071.839.642</b>	<b>2.575.496.980</b>
<b>Số dư với các bên liên quan</b>			
	<b>Nội dung</b>	<b>30/06/2025 VND</b>	<b>01/01/2025 VND</b>
Trả trước cho người bán			
Công ty cổ phần Gỗ BKG		-	44.000.000
		-	<b>44.000.000</b>

**6.3. Thông tin về bộ phận**

Công ty không phải lập báo cáo bộ phận do không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

**6.4. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế.



**PHẠM LƯƠNG BẢO NGỌC**  
Người lập biểu



**PHẠM LƯƠNG BẢO NGỌC**  
Kế toán trưởng



**NGUYỄN VĂN HƯNG**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 08 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
BKG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2025

Số: 2908-1/2025/CV  
V/v: giải trình chênh lệch số liệu

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

**Công ty Cổ phần Đầu Tư BKG Việt Nam**

Mã chứng khoán: BKG

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, toà nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, Khu đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (024) 2283.2468

Fax: (024) 2283.2468

Loại thông tin công bố: Định kỳ

**I. Giải trình về chênh lệch số liệu cùng kỳ**

Căn cứ theo Khoản 4a, Điều 14. Công bố thông tin định kỳ của Thông tư số: 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020: "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước". Công ty CP Đầu tư BKG Việt Nam xin được giải trình như sau:

**1/ Đối với Báo cáo riêng**

STT	Chỉ tiêu trên BCTC riêng	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024	Chênh lệch kỳ này so với kỳ trước	
				Giá trị	%
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.116.434.114	56.776.604.385	Giảm 14,7 tỷ	
2	4. Giá vốn hàng bán	36.825.601.710	49.561.479.930	Giảm 12,7 tỷ	
3	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.290.832.404	7.215.124.455	Giảm 1,9 tỷ	
4	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.372.472.310	4.140.290.500	Giảm 1,7 tỷ	

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2025 giảm 1,7 tỷ so với cùng kỳ năm ngoái. Chủ yếu là do Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác giảm 14,7 tỷ. Các chi phí khác không có sự biến động nhiều so với cùng kỳ năm ngoái

## 2/ Đối với Báo cáo Hợp nhất

STT	Chỉ tiêu trên BCTC hợp nhất	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024	Chênh lệch kỳ này so với kỳ trước	
				Giá trị	%
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	130.777.676.378	158.205.840.199	Giảm 27,4 tỷ	-17,3%
2	4. Giá vốn hàng bán	116.273.057.984	142.748.353.939	Giảm 26,5 tỷ	-18,5%
3	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.504.618.394	15.457.486.260	Giảm 952 triệu	-6,2%
4	8. Chi phí bán hàng	2.016.463.116	1.205.565.643	Tăng 810 triệu	+67,3%
5	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.611.460.719	2.809.172.242	Tăng 802 triệu	+28,6%
6	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.247.174.609	8.465.042.182	Giảm 2,2 tỷ	-26,2%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2025 giảm 2,2 tỷ so với cùng kỳ năm ngoái. Chủ yếu là do Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 27,4 tỷ, đồng thời chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng 67,3% và 28,6% so với cùng kỳ.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP; P.KT.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM

Trưởng Ban Kiểm soát

  
ĐẶNG PHƯỚC ĐỨC